

Nhìn lại quá trình tự do hóa lãi suất ở nước ta

TS. HOÀNG ĐỨC

I. Ý nghĩa của lãi suất và tự do hóa lãi suất

Lãi suất là một phạm trù kinh tế khách quan, mang tính chất tổng hợp và đa dạng. Nó là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi tức phải trả trên tổng số vốn đi vay trong một thời gian nhất định (năm, quý, tháng, ngày v.v.). Lãi suất được biểu hiện dưới dạng số tuyệt đối, đó chính là lợi tức tín dụng. Như vậy lợi tức tín dụng là khoản tiền phải trả cho việc vay mượn quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn trong một thời gian nhất định.

Trong nền kinh tế thị trường, lãi suất giữ vị trí khá quan trọng, nó được thể hiện như sau:

- Lãi suất là đòn bẩy, kích thích sự tăng trưởng kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia. Chính sách lãi suất, nếu tạo ra được mức lãi suất cho vay thấp hơn tỷ suất lợi nhuận bình quân sẽ có tác dụng thúc đẩy kích thích các doanh nghiệp tăng nhu cầu đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới thiết bị, trang bị công nghệ sản xuất hiện đại bằng nguồn vốn vay ngân hàng. Hiệu quả cuối cùng sẽ tạo ra một nguồn vốn của cải cho xã hội, tổng thu nhập quốc dân tăng lên rất nhiều.

- Lãi suất là công cụ thúc đẩy sự cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại, lãi suất là giá cả của vốn, do vậy thông qua lãi suất các ngân hàng thương mại sẽ tự điều chỉnh hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng của mình mà kết quả cuối cùng là nền kinh tế, các doanh nghiệp, các tầng lớp dân cư được lợi hơn vì sẽ được hưởng giá rẻ và chất lượng dịch vụ cao.

- Lãi suất là công cụ dùng để điều chỉnh các hoạt động đầu tư trong nền kinh tế, hay nói cách khác, khi các doanh nghiệp, các tầng lớp dân cư có vốn, muốn đầu tư vào lĩnh vực nào cũng phải lấy lãi suất tín dụng trong nền kinh tế làm cơ sở và quyết định, ít nhất hiệu quả đầu tư vào các lĩnh vực khác để sinh lời phải có tỷ lệ lớn hơn hoặc cùng lắm phải bằng lãi suất tín dụng.

- Lãi suất còn là công cụ để kèm chế lạm phát rất hữu hiệu thông qua chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương. Trong trường hợp nền kinh tế có lạm phát, ngân hàng trung ương sẽ sử dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, tăng lãi suất để thu hút tiền nhàn rỗi trong lưu thông về, nhằm điều hòa lượng tiền trong lưu thông, cân đối với khối lượng hàng hóa.

Như vậy, lãi suất trong nền kinh tế là công cụ kinh tế khá quan trọng, làm sao lãi suất phải phù hợp với lãi suất của các nước trên thế giới trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế là vấn đề được đặt ra và cần được giải quyết. Tự do hóa lãi suất là một bộ phận quan trọng của tự do hóa tài chính, thực chất của tự do hóa lãi suất chính là cơ chế điều hành lãi suất hoàn toàn để cho cung cầu vốn trên thị trường xác định lãi suất cân bằng. Ngân hàng trung ương chỉ can thiệp bằng các công cụ để điều chỉnh theo định hướng mà thôi. Hay nói cách khác: Tự do hóa lãi suất là việc trao cho thị trường vốn toàn bộ việc xác định lãi suất cân bằng, ngân hàng trung ương chỉ sử dụng các công cụ can thiệp một cách gián tiếp để điều chỉnh cho phù hợp chiến lược và mục tiêu đặt ra trong từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế.

Tự do hóa lãi suất nói riêng và tự do hóa tài chính nói chung có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia trong giai đoạn phát triển và chuẩn bị hội nhập vào nền kinh tế thế giới trên phương diện vĩ mô lẫn vi mô:

1. Xét ở phương diện vĩ mô của nền kinh tế:

Trong quá trình phát triển nền kinh tế và hội nhập, VN đã có những thành công bước đầu trong việc hội nhập với nền kinh tế thế giới sau nhiều năm bị gián đoạn. Hiện nay, chúng ta đã có mối quan hệ với IMF, WB, ADB, v.v và là thành viên của ASEAN từ năm 1997, gia nhập AFTA và đang chuẩn bị gia nhập WTO, bước đầu hòa nhập như vậy chúng ta đã có những thành công lớn, kế tiếp là chúng ta đã chuyển đổi một số

hoạt động cho phù hợp với thông lệ quốc tế, trong đó có lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Như vậy tự do hóa lãi suất, chuyển dần sang thực hiện các công cụ gián tiếp điều hành chính sách lãi suất, giảm sự can thiệp và điều hành bằng các công cụ hành chính trực tiếp, từ đó sẽ trả lãi suất đúng vai trò là đòn bẩy kích thích nền kinh tế phát triển, nhằm kích thích sự tăng trưởng kinh tế.

2. Về phương diện vi mô của nền kinh tế:

Tự do hóa lãi suất sẽ thúc đẩy cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trong nước và các chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài tại VN, giúp các ngân hàng trong nước có điều kiện phát triển, đa dạng hóa nghiệp vụ, tiếp cận công nghệ tiên tiến hơn. Đối với các khách hàng của ngân hàng thương mại đó là các doanh nghiệp, các tầng lớp dân cư sẽ chủ động hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của mình, đồng thời được quyền lựa chọn các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng để giao dịch, hoạt động.

II. Quá trình tự do hóa lãi suất ở VN

Quá trình tự do hóa lãi suất ở VN, chính là quá trình điều hành cơ chế lãi suất qua các thời kỳ phát triển của nền kinh tế, quá trình đó được thể hiện như sau:

1. Lãi suất ở thời kỳ thực thi cơ chế quản lý nền kinh tế theo phương thức quản lý kế hoạch hóa tập trung (trước năm 1998):

Đặc trưng cơ bản của lãi suất thời kỳ thực thi chế độ quản lý nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung kéo dài, đó là áp dụng chính sách lãi suất bao cấp khá nặng nề, lãi suất được xây dựng thoát ly lãi suất của nền kinh tế thế giới. Dẫn đến lãi suất thực thi trong thời kỳ này với tình trạng "lãi giả và lỗ thật" làm cho ngân hàng không thể bảo toàn vốn của mình do lạm phát tăng cao và lãi suất thực là số âm, vì tỷ lệ lạm phát đã lớn hơn lãi suất danh nghĩa.

2. Lãi suất thời kỳ nền kinh tế bắt đầu chuyển sang nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước (từ năm 1988 đến nay).

Bước ngoặt trong tiến trình đổi

mới, cải cách nền kinh tế VN trong lĩnh vực ngân hàng bắt đầu bằng Nghị định 53/HĐBT ngày 26.3.1988 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). Nội dung cơ bản của Nghị định 53/HĐBT đó là "Đã hình thành việc phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng chuyên doanh, làm tiền đề cho hai pháp lệnh về: Ngân hàng Nhà nước và pháp lệnh về ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính ngày 23.5.1989 của Hội đồng nhà nước. Hai pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 1.10.1990 với nội dung chủ yếu: Xóa hẳn mô hình ngân hàng một cấp và xây dựng mô hình ngân hàng hai cấp phù hợp với mô hình của ngân hàng các nước có nền kinh tế thị trường phát triển. Trong đó Ngân hàng Nhà nước VN thực hiện chức năng ngân hàng của các ngân hàng, quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế, còn ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, thực hiện chức năng kinh doanh trực tiếp về lĩnh vực tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong nền kinh tế. Từ Pháp lệnh ngân hàng có hiệu lực 1.10.1990, đến ngày 1.10.1998 Luật ngân hàng nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng ra đời và có hiệu lực cho đến nay đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng cho hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế.

Nhìn lại diễn biến của chính sách lãi suất qua từng thời kỳ, cho chúng ta thấy những bước phát triển của mỗi thời kỳ tương xứng với sự phát triển của nền kinh tế. Quá trình tự do hóa lãi suất của nước ta được thể hiện tổng quát như sau:

a. Cơ chế thực thi chính sách lãi suất cố định (1989-5.1992):

Đây là cơ chế lãi suất đã có từ trước nhưng có sự thay đổi căn bản, theo nguyên tắc của việc xác định lãi suất là: Bảo toàn được vốn và có lãi, được áp dụng ở các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế. Cơ chế lãi suất này được điều chỉnh theo biến động của chỉ số giá, đặc biệt là lãi suất ngoại tệ được áp dụng theo mức lãi suất của thị trường tiền tệ quốc tế. Thực tế vận hành trong một thời gian (1989-1992), cơ chế lãi suất thời kỳ này đã bắt đầu phát huy tác dụng, là bước chuyển của cơ chế lãi suất thực âm sang cơ chế lãi suất thực dương.

b. Cơ chế điều hành khung lãi suất (6.1992-1995):

Đặc trưng của cơ chế này là Ngân hàng Nhà nước điều hành cơ chế lãi suất theo khung lãi suất, quy định rõ sàn lãi suất tiền gửi và trần lãi suất cho vay đối với nền kinh tế. Các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng căn cứ khung lãi suất của ngân hàng thương mại để đưa ra các lãi suất thích hợp cho mình, thực chất là bước chuyển đổi căn bản từ cơ chế lãi suất âm sang cơ chế lãi suất dương, đảm bảo cho các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng kinh doanh có hiệu quả, đây là cơ chế lãi suất khởi đầu cho quá trình tự do hóa lãi suất ở nước ta.

c. Cơ chế điều hành lãi suất trần (1996-7.2000):

Nét cơ bản của cơ chế điều hành trần lãi suất, đó là Ngân hàng Nhà nước đã thay đổi căn bản cơ chế điều hành linh hoạt trần lãi suất, bước đầu đã thực hiện tự do hóa lãi suất huy động (lãi suất đầu vào của ngân hàng thương mại) và linh hoạt trần lãi suất cho vay (lãi suất đầu ra). Cơ chế lãi suất này đã góp phần duy trì sự tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, ổn định sức mua của VND trong sự tương quan của các đồng tiền trong khu vực do có khủng hoảng tiền tệ năm 1997-1998 ở các nước Đông Nam Á.

d. Cơ chế điều hành lãi suất cơ bản kèm biên độ (8.2000-5.2002):

Nội dung của cơ chế điều hành lãi suất cơ bản kèm biên độ là Ngân hàng Nhà nước đã điều hành cơ chế lãi suất theo luật ngân hàng để thay thế cho cơ chế lãi suất trần. Lãi suất cơ bản và biên độ được công bố định kỳ hàng tháng, trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố điều chỉnh kịp thời.

Đối với lãi suất cho vay bằng ngoại tệ, về cơ bản các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng được ấn định lãi suất cho vay trên cơ sở lãi suất thị trường quốc tế và cung cầu vốn trong nước của từng loại ngoại tệ. Theo cơ chế lãi suất này cho thấy Ngân hàng Nhà nước VN đã quyết tâm đổi mới chính sách lãi suất theo hướng tự do hóa và từng bước gắn lãi suất trong nước vào thị trường khu vực và thế giới.

e. Cơ chế lãi suất thỏa thuận (6.2002 - nay):

Trong thực tế, cơ chế lãi suất này được Ngân hàng Nhà nước chuyển đổi từng bước bắt đầu từ tháng 5.2001 áp dụng cho hình thức vay bằng ngoại tệ, tiếp theo 5.2002 là áp dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng trong nước. Nhìn một cách tổng quát thì quá trình thực thi cơ chế tự do hóa lãi suất ở VN bước đầu đã có kết quả nhất định.

Tóm lại

Có thể nói quá trình đổi mới cơ chế điều hành lãi suất ngân hàng ở nước ta từ khi có mô hình ngân hàng hai cấp (1988) đến nay đã trải qua năm bước chuyển đổi căn bản, đó là những bước đi khá thận trọng và khẳng định xu hướng tất yếu của quá trình tự do hóa lãi suất ở nước ta. Quá trình tự do hóa lãi suất ở nước ta đã đạt được những kết quả nhất định:

- Tiến hành cải cách, điều chỉnh chính sách lãi suất làm cho lãi suất trong nền kinh tế đã trở thành công cụ quan trọng của Nhà nước nhằm thực thi chính sách tiền tệ, ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, kiểm chế được lạm phát.

- Lãi suất góp phần nâng cao hiệu quả của nền kinh tế nói chung, kích thích sự tiết kiệm và khuyến khích đầu tư. Việc xóa dần chính sách ưu đãi về lãi suất đã dần dần tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại thực hiện tốt công tác hạch toán kinh tế và kinh doanh của mình được chủ động và thuận lợi.

- Chính sách lãi suất qua các lần biến đổi đã tiến dần đến tự do hóa lãi suất, chuẩn bị cho sự hội nhập về lãi suất với nền kinh tế thế giới. Quyết định 546/2002 QĐ-NHNN về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng, đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự mở đầu trong việc thực hiện cơ chế tự do hóa lãi suất trong nền kinh tế đối với hoạt động tín dụng và lãi suất cơ bản công bố của Ngân hàng Nhà nước dần dần sẽ mang tính chất tham khảo đối với các tổ chức tín dụng trong việc xác định lãi suất từng thời kỳ. Như vậy quá trình đổi mới cơ chế lãi suất từ kiểm soát trực tiếp, cố định lãi suất sang cơ chế lãi suất thỏa thuận thực chất là dần dần đã tự do hóa lãi suất, đây là những bước đi thận trọng, đã có những thành công cơ bản của quá trình tự do hóa lãi suất ở nước ta ■